

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 8 - 2025

Về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức

2. Ông Nguyễn Thiện Lợi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Phương - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: thôn 2, xã C, huyện L1, tỉnh H (nay là xã L1, tỉnh N). (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Anh **Phạm Đức V**, sinh năm 1996;

Nơi ĐKKHKT: Lô 22.4B, tổ 36 (nay là tổ 22), phường T, thành phố T1, tỉnh T1 (nay là phường T, tỉnh H1).

Nơi ở hiện nay: Số nhà 01, ngõ 162, đường H2, tổ 8, phường P, thành phố T1, tỉnh T1 (nay là phường V1, tỉnh H1). (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

Chị và anh Phạm Đức V tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T1, tỉnh T1 (nay là phường T, tỉnh H1) ngày 29 tháng 5 năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc Bảo T2, sinh ngày 25/12/2018. Ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho. Hiện chị L đang làm nhân viên thẩm mỹ tại Lavender Spa, địa chỉ: số 52, đường T3, Thành phố Đ, mức thu nhập bình quân khoảng là 20.000.000 đồng - 25.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tòa án đã gửi, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn anh Phạm Đức V không đến Tòa án giải quyết và cũng không gửi về Tòa án văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Biên bản xác minh ngày 09/7/2025, ông Nguyễn Thanh T4 - Tổ trưởng tổ 8, phường V1, tỉnh H1 cung cấp:*

Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phạm Đức V có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường T, thành phố T1, tỉnh T1 (nay là phường T, tỉnh H1). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm được. Nay Tòa án xuống làm việc, địa phương được biết chị L có đơn xin ly hôn với anh V, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc Bảo T2, sinh ngày 25/12/2018. Trường hợp ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Hiện anh V vẫn đang ở địa phương nhưng anh V hiện đang làm gì, thu nhập bao nhiêu, địa phương không nắm được. Về tài sản: Anh chị có tài sản chung hay nợ chung gì không thì địa phương không nắm được. Nay Tòa án cùng địa phương xuống nhà anh V tại địa chỉ số nhà 01, ngõ 162, đường H2, tổ 8, phường P, thành phố T1, tỉnh T1 (nay là phường V1, tỉnh H1) đã gặp ông Phạm Đức T5 là bố đẻ anh V nhưng ông T5 từ chối làm việc với Tòa án.

** Đơn đề nghị đề ngày 13/7/2025, ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị T6, sinh năm 1966; Trú tại: thôn 2, xã C, huyện L1, tỉnh H (nay là thôn 2, xã L1, tỉnh N) là bố mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

Anh chị có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà được biết vợ chồng anh chị chung sống đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và kể từ đó anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn ông bà được biết là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh V, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh chị có một con chung là Phạm Ngọc Bảo T2, sinh ngày 25/12/2018. Hiện con Trâm đang ở cùng với chị L. Trường hợp ly hôn, đại diện gia đình đề nghị Tòa án xem xét cho chị L được trực tiếp nuôi con, ông bà hiện nay sức khỏe tốt có thể hỗ trợ chị L trong việc chăm sóc con cái. Về tài sản: Anh chị có tài sản chung, nợ chung gì của ai hay không thì ông bà không biết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc L ly hôn với anh Phạm Đức V. Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị xử giao hai con chung là Phạm Ngọc Bảo T2, sinh ngày 25/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Đức V không phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V không có văn bản nào gửi về Tòa án thể hiện quan điểm của mình về phần tài sản, không có lời khai về phần tài sản nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại phường P, thành phố T1, tỉnh T1 (nay là phường V1, tỉnh H1) nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên) là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Toà án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên toà để tham gia tố tụng, nhưng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Đức V vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phạm Đức V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/5/2018, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người ở một nơi. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Quá trình giải quyết, anh V không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai, không trình bày quan điểm về quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện bản thân anh V không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị L. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của chị L, anh V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc L ly hôn anh Phạm Đức V là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phạm Đức V có 01 con chung là Phạm Ngọc Bảo T2, sinh ngày 25/12/2018. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị L. Ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị L trình bày chị đang làm nhân viên thẩm mỹ có thu nhập ổn định bình quân khoảng 20.000.000 đồng - 25.000.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết, anh V không trình bày quan điểm về việc nuôi con. Xét điều kiện thực tế hiện nay, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên, nên giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con.

[2.4] Về tài sản: Chị L trình bày anh chị không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V không có văn bản

nào gửi Tòa án thể hiện quan điểm của mình về phần tài sản, không có lời khai về phần tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn anh Phạm Đức V.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Phạm Ngọc Bảo T2, sinh ngày 25/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Đức V không phải cấp dưỡng cho con.

Anh V có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

(Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Hưng Yên) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000242 ngày 09/6/2025 thành án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L và bị đơn anh Phạm Đức V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường T, thành phố T1, tỉnh T1 (nay là phường T, tỉnh H1); GCNKH số 54 ngày 29/5/2018).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Khánh Linh

